TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH QUẢNG NAM** --------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số:191/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16/9/2022
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Văn Triệu
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Mừng
2. Bà Lê Thị Kim Phụng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Quỳnh kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2022/HNGĐST ngày 14 tháng 7 năm 2022 về việc xin ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, trú tại thôn M-S, xã D-P, huyện D-X, tỉnh Quảng Nam.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu Đ trú tại thôn A-T, xã Đ-H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày viết ngày 30/6/2022 và tại phiên toà hôm nay nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ, để mỗi người được tự do định đoạt cuộc sống riêng của mình.

Theo bản tự khai ngày 14 tháng 7 năm 2022 và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Hữu Đ trình bày: Trước năm 2018 khi vào mạng facebook anh có gặp chị Trần Thị T, than thở trên mạng khi chị T đang nuôi con ở bệnh viện, khi đó chị T có chồng đã ly hôn. Qua trao đổi, thấy tình cảnh chị T như vậy anh phát sinh tình cảm với chị T, được hai bên gia đình đồng ý, năm 2018 anh và chị T đi đến hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ-H. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị Thăm có lời lẽ xúc phạm gia đình anh nhiều lần. Nay vợ anh xin ly, anh cảm thấy hạnh phúc vợ chồng không còn mong muốn Tòa án cho vợ chồng anh được ly hôn.

- Về con chung: Chị T và anh Đ đều khai là có 01 con chung tên là Nguyễn Thị Thúy K. sinh ngày 12 tháng 3 năm 2019.

Về con riêng : Chị T có con riêng tên là Hồ Như S sinh ngày 18/9/2013

Theo anh Đ từ khi kết hôn anh đã có trách nhiệm nuôi dưỡng con riêng của chị T như con của chính mình, nhưng nay ly hôn anh giao lại cho chị T nuôi cháu Hồ Như S, còn anh có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Thị Thúy K, vì từ khi chị T và anh Đ ly thân, chị T về nhà mẹ ruột ở huyện D-X thì anh là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K, mặc khác cháu K đang có môi trường sống ổn định, cháu đang đi học lớp mẫu giáo nhỏ. .

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diệnViện Kiểm sát nhân dân huyện Đ:

1/ Về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án:

-. Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm mở phiên tòa giải quyết vụ án, Thẩm phán thụ lý vụ án đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS.

-. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã nhận đầy đủ thông báo thụ lý vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng quy định của BLTTDS.

2/. Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án HNGĐ và diễn biến tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đề nghị:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, cho chị T được ly hôn với ông Nguyễn Hữu Đ.

- Về con chung: : Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị Thúy K sinh ngày 12 tháng 3 năm 2019 cho anh Nguyễn Hữu Đ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, anh Đ không có yêu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu hiện có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Xét quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Đ thì thấy anh chị đã xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tình yêu, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ-H năm 2018. Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các bên khi giải quyết vụ án.

Xét thực trạng quan hệ hôn nhân của chị T và anh Đ thì thấy: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn như chị T và Anh Đ đã trình bày. Sự mâu thuẫn vợ chồng kéo dài từ năm 2020 đến tháng 5 năm 2022 vợ chồng ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận sự thuận tình ly hôn của chị T và anh Đ.

- Về quan hệ con chung: Xét nguyện vọng về nuôi con thì thấy anh chị đều có nguyện vọng nuôi con chung là cháu K, nhưng sau khi vợ chồng ly thân thì cháu K được anh Đ nuôi dưỡng, chăm sóc, cháu K đang có môi trường sống ổn định từ nhỏ đến nay,

cháu đang ăn học ổn định có sự xác nhận của chính quyền địa phương và nhà trường, anh Đ có công việc ổn định có thu nhấp đủ để nuôi dưỡng cháu K .

Chị T đang nuôi cháu Hồ văn S, nghề nghiệp chưa ổn đinh, nên không thể đảm bảo, khi một mình nuôi 2 cháu K và S có cuộc sống tốt được. Hội đồng xét xử nghĩ nên giao cháu K cho anh Đ nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với thực tế và không trái pháp luật

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: chị T và anh Đ đều thống nhất tự giải quyết tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án Phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. HĐXX buộc chị T phải chịu án về chịu án phí về yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 203, 235, 266, 271, 273, Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị T, cho chị T được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Đ.

- Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thúy K sinh ngày 12 tháng 3 năm 2019 cho anh Nguyễn Hữu Đ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi, anh Đ không có yêu cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản, khi có lý do chính đáng, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và múc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh Đ không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) chị Trần Thị T phải chịu, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Sáu đã nộp theo biên lai thu số 3814 ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

- Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- ***TAND tỉnh QuảngNam***
- ***VKSND huyện Đ;***
- ***THADS huyện Đ;***
- ***Các đương sự ;***
- ***Lưu hồ sơ vụ án***

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Văn Triệu